TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/DS-PT
Ngày 02-02-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài;
Các thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm;
Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc: "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 512/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1953; địa chỉ: số G, Đại lộ B, tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Duy Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: số G, Đại lộ B, tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn D, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2023); vắng mặt.

2. Bà Lương Thị B, sinh năm 1958; có mặt.

3. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1989; có mặt.

Cùng địa chỉ: số G, Đại lộ B, tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956; có đơn đề nghị vắng mặt.

5. Ông Đinh Duy T1, sinh năm 1987; có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1989; có đơn đề nghị vắng mặt.

7. Ông Đinh Duy T2, sinh năm 1989; có đơn đề nghị vắng mặt.

8. Bà Trương Nguyễn Hoài T3, sinh năm 1995; có đơn đề nghị vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số G Đại lộ B, tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:* Ông Trần Văn H là người quản lý, sử dụng phần diện tích đất 192,4m^2, thửa số 74, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, phần đất này là do ông H nhận chuyển nhượng từ năm 1996 của bà Phạm Thị T4. Trên đất có căn nhà cấp 4, kết cấu mái tole, vách tường, nền gạch men. Hiện nhà đất này do ông H và vợ là bà Lương Thị B đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Kế bên nhà ông H là nhà đất của hộ ông Đinh Duy Đ, ranh giới đất giữa nhà ông và nhà ông Đ là bức tường được xây dựng bằng gạch lò chén cao khoảng 2m, dài từ đầu đến cuối đất là 28m, bức tường do ông H xây năm 1997. Đến năm 1999, phía ông Đ đã tháo dỡ một phần bức tường này với chiều dài 8m để xây dựng nhà bếp, kể từ đó hai bên bắt đầu xảy ra tranh chấp. Sau đó, vợ ông Đ nói với ông H là cho nhà ông Đ tháo dỡ thêm 8m để khỏi đọng nước, vì tình nghĩa hàng xóm nên gia đình ông đồng ý để phía gia đình ông Đ tháo dỡ. Đến năm 2003, ông Đ tiếp tục tháo dỡ vách tường lò chén dài 2,5m, cao 2m, phía trên bức tường là đổ mái hiên lấn sang phần không gian nhà ông dài 2,5m, rộng khoảng 40cm, đồng thời tiếp tục xây dựng trụ cột rào của nhà trước và lấn sang hẻm đi 40cm, lấn sang ranh đất ông 10cm. Chính những nguyên nhân này mà các bên đã xảy ra tranh chấp nên năm 2006 vợ ông H là bà Lương Thị B đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường P. Đến năm 2015, hai bên tiếp tục phát sinh tranh chấp nên ông Đ là người đã khởi kiện ông H đến Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ.

Kể từ năm 2006 cho đến nay, hiện trạng phần đất của hai bên vẫn không có gì thay đổi so với thời điểm mà hai bên trước đó đã xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, ông H nhận thấy phần mà ông Đ xây dựng đã lấn sang phần đất của ông H cũng như vỉa hè, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Hơn nữa, khi ông H làm thủ tục đổi lại giấy chứng nhận thì phía ông Đ không đồng ý ký liên ranh vì cho rằng phần đất của ông Đ sử dụng là đúng nên ông H phải đi khởi kiện và yêu cầu: Buộc ông Đinh Duy Đ phải tháo dỡ các công trình được xây dựng trên phần diện tích đất 5,6m^2 để trả lại diện tích đất 5,6m^2 cho ông H như hiện trạng ban đầu, cụ thể:

+ Tháo dỡ bức tường nhà chiều dài 8m, rộng 0,24m, cao 4m;

+ Tháo dỡ bức tường rào đã lấn với kích thước rộng 0,2m x dài 2,3m x cao 2m và tháo dỡ mái hiên lấn chiếm khoảng không gian có kích thước rộng 0,25m x dài 2,3m.

+ Tháo dỡ cột trụ tường rào phía trước có kích thước 0,2m x 0,4m x 2m lấn chiếm đất hẻm bao phủ sang ranh giới cột nhà của nhà ông H 0,15m x 2m.

Sau khi đo đạc thực tế thì phần diện tích tranh chấp có sự thay đổi so với đơn khởi kiện ban đầu, tức là diện tích tranh chấp giảm nên nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là buộc ông Đinh Duy Đ phải tháo dỡ các công trình được xây dựng trên phần diện tích đất 5,1m^2 để trả lại diện tích đất 5,1m^2 cho ông H như hiện trạng ban đầu, cụ thể:

+ Tháo dỡ bức tường nhà chiều dài 8,2m, cao 3,77m, tường xây tô 10cm, cột tường xây tô 22cm;

+ Tháo dỡ bức tường nhà đã lấn dài 2,5m, cao 2,05m, tường xây tô 10cm, cột xây tô 22cm;

+ Tháo dỡ ovan lấn chiếm khoảng không gian dài 2,5m, rộng 20cm

+ Tháo dỡ cột trụ tường rào phía trước có kích thước 0,2m x 0,4m x 2m lấn chiếm đất hẻm bao phủ sang ranh giới cột nhà của nhà ông 0,15m x 2m

- *Bị đơn ông Đinh Duy Đ trình bày:* Ông Đinh Duy Đ là người quản lý, sử dụng phần diện tích đất 289,5m^2, thửa số 78, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, phần đất này là do ông Đ nhận chuyển nhượng từ năm 1991 của ông Phạm Văn P. Trên đất có căn nhà cấp 4 có kết cấu mái tôn, vách tường, nền gạch men.

Kế bên nhà ông Đ là nhà đất của hộ ông Trần Văn H, ranh giới đất giữa nhà ông và nhà ông H là bức tường được xây dựng bằng gạch lò chén cao khoảng 1,8m, khoảng 20m, bức tường này do ông Đ xây năm 1999. Sau năm 2006 (tức là sau khi hòa giải tại phường P) xong thì phía gia đình ông H đã tự ý tháo dỡ vách tường này dài khoảng 11m và đổ đường đi vào nhà ông H, phần còn lại hiện trạng vẫn gạch lò chén.

Đối với phần tranh chấp có vách tường dài xây tô 8,2m, cao 3,77m; đoạn bức tường dài 2,5m, cao 2,05m, phía trên có ovan dài 2,5m, rộng 20cm thì những đoạn vách tường này là vách tường của căn nhà cấp 4 của ông Đ. Căn nhà này cũng như trụ cổng hàng rào được ông Đ xây dựng năm 1999, khi xây dựng ông không xin phép xây dựng vì khi đó không bắt buộc phải xin phép nên ai muốn xây dựng thì cứ xây.

Việc ông H cho rằng năm 2003, gia đình ông Đ đổ mái hiên và xây trụ cột lấn sang hẻm thuộc đất của ông H là sai sự thật, vì căn nhà và trụ cột là gia đình ông Đ xây dựng từ năm 1999, kể từ đó đến nay hiện trạng đất cũng như công trình xây dựng trên đất của ông Đ hoàn toàn không có gì thay đổi, chỉ có gia đình ông H đã thay đổi hiện trạng công trình trên đất dẫn đến tranh chấp giữa hai bên.

Đến nay, ông H cho rằng ông Đ đã lấn sang đất của ông H và khởi kiện thì ông Đ hoàn toàn không đồng ý, ông Đ chỉ sử dụng đúng phần đất của ông Đ theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, ông Đ không lấn sang bất kỳ

phần đất nào của ông H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị B trình bày:* Bà Lương Thị B là vợ của ông Trần Văn H. Bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 trình bày:* Ông Trần Văn H1 là con ruột của ông H và bà B và sống chung nhà chứ không có công sức đóng góp đối với phần nhà đất của ông H và bà B. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông thống nhất với phần trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của ông H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T:* không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H đối với bị đơn ông Đinh Duy Đ về việc buộc bị đơn ông Đinh Duy Đ tháo dỡ các công trình trên đất để trả lại cho nguyên đơn ông Trần Văn H diện tích 5,1m^2 như hiện trạng ban đầu, cụ thể:

+ Tháo dỡ bức tường nhà chiều dài 8,2m, cao 3,77m, tường xây tô 10cm, cột tường xây tô 22cm;

+ Tháo dỡ bức tường rào đã lấn dài 2,5m, cao 2,05m, tường xây tô 10cm, cột xây tô 22cm;

+ Tháo dỡ ovan lấn chiếm khoảng không gian dài 2,5m, rộng 20cm;

+ Tháo dỡ cột trụ tường rào phía trước có kích thước 0,2m x 0,4m x 2m lấn chiếm đất hẻm bao phủ sang ranh giới cột nhà của nhà ông 0,15m x 2m.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn ông Trần Văn H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Trần Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 192,4m^2, thửa đất số 74, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị T4 từ năm 1996. Hướng Nam đất của nguyên đơn ông H là đất của bị đơn ông Đinh Duy Đ giáp ranh nhau dài từ đầu đến cuối đất.

[2.2] Bị đơn ông Đinh Duy Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 289,5m^2, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, gắn liền căn nhà cấp 4 có kết cấu mái tôn, vách tường, nền gạch men, nguồn gốc nhà và đất nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn P từ năm 1991. Hướng Bắc đất của ông Đ giáp ranh đất của ông Trần Văn H dài từ đầu đến cuối đất.

[2.3] Vị trí đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là ranh giới đất giữa các bên có chiều dài 28,08m, chiều ngang rộng đầu là 0,22m, cuối là 0,19m (diện tích 5,1m^2). Trên diện tích đất tranh chấp có tường nhà ở của bị đơn, và tường rào bằng gạch lò và gạch thẻ. Nguyên đơn ông H và bị đơn ông Đ đều cho rằng mình xây dựng bức tường rào trên đất của mình.

[3] Đối chiếu, so sánh hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông H và của ông Đ thấy rằng:

[3.1] Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông H tại bút lục 24, có biên bản "Hồ sơ kỹ thuật thửa đất" thể hiện sơ đồ bản vẽ thửa đất 74 của bị đơn ông H có các cạnh chiều dài như sau:

Hướng Bắc từ điểm 01 đến điểm 02 dài 28,90m;

H (chiều ngang mặt trước thửa đất) từ điểm 02 đến điểm 03 dài 1,81m và điểm 03 đến điểm 04 dài 5,45m (hai đoạn trên không thẳng hàng, có sự gấp khúc tại điểm 01 đến 02), tổng chiều dài là 7,26m;

Hướng Nam (giáp ranh đất của bị đơn) từ điểm 04 đến điểm 05 dài 26,03m;

Hướng Tây (chiều ngang phía sau thửa đất) từ điểm 05 đến điểm 01 (hình thang) dài là 7,71m.

Qua đo đạc thực tế, tại Mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 30/3/2023 thửa đất 74 của ông H thể hiện:

Hướng Bắc từ điểm 07 đến điểm 10 dài 27,41m;

H (chiều ngang mặt trước thửa đất) từ điểm 10 đến điểm 11 dài 6,98m (chưa tính phần tranh chấp 0,22m).

Hướng Nam (giáp ranh đất của bị đơn) từ điểm 12 đến điểm 6 dài 27,41m;

Hướng Tây (chiều ngang phía sau thửa đất) từ điểm 06 đến điểm 07 dài 7,41m (chưa tính phần tranh chấp 0,19m).

[3.2] Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Đ tại bút lục 29, có biên bản "Hồ sơ kỹ thuật thửa đất" thể hiện sơ đồ bản vẽ thửa đất 78 của ông Đ có các cạnh chiều dài như sau:

Hướng B1 (giáp ranh đất của nguyên đơn) từ điểm 01 đến điểm 02 dài 28,03m;

H (chiều ngang mặt trước thửa đất) từ điểm 02 đến điểm 03 dài 10,95m;

Hướng Nam từ điểm 03 đến điểm 06 dài 28,3m;

Hướng Tây (chiều ngang phía sau thửa đất) từ điểm 06 đến điểm 07 và 01 dài 11,17m.

Qua đo đạc thực tế, tại Mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 30/3/2023 thể hiện thửa đất của ông Đ như sau:

Hướng B1 (giáp ranh đất của nguyên đơn) từ điểm 05 đến điểm 22 dài 27,65m;

H (chiều ngang mặt trước thửa đất) từ điểm 02 đến điểm 12 dài 10,91m (chưa tính phần tranh chấp 0,22m).

Hướng Nam từ điểm 02 đến điểm 03 dài 27,84m;

Hướng Tây (chiều ngang phía sau thửa đất) từ điểm 03 đến điểm 05 dài 11,03m (chưa tính phần tranh chấp 0,19m).

[3.3] Qua so sánh, đối chiếu các cạnh thửa đất được cấp giấy chứng nhận với thửa đất đo đạc thực tế của nguyên đơn ông H và bị đơn ông Đ xác định:

- Đối với thửa đất số 74 của ông H thì cạnh thửa đất như sau:

Hướng Đông (chiều ngang mặt trước thửa đất) dài theo sổ là 7,26m, đo đạc thực tế là 6,98m, thiếu 0,28 m (chưa tính phần tranh chấp 0,22m),

Hướng T5 (chiều ngang phía sau thửa đất) dài theo sổ là 7,71m, đo đạc thực tế là 7,41m, thiếu 0,3m (chưa tính phần tranh chấp 0,19 m),

- Đối với thửa đất số 78 của ông Đ thì cạnh thửa đất như sau:

Hướng Bắc (chiều ngang mặt trước thửa đất) chiều dài theo sổ là 10,95m, đo đạc thực tế là 10,91m, thiếu 0,04 m (chưa tính phần tranh chấp 0,22m),

Hướng T5 (chiều ngang phía sau thửa đất) dài theo sổ là 11,17m, đo đạc thực tế là 11,03m**,** thiếu 65,86m (chưa tính phần tranh chấp 0,19 m),

Qua đối chiếu, so sánh số đo các cạnh thửa đất của nguyên đơn, thửa đất của bị đơn có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đều thiếu đất chiều ngang.

[4] Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất thấy rằng:

[4.1] Nguyên đơn ông H nhận chuyển nhượng thửa đất 74 từ năm 1996.

[4.2] Bị đơn ông Đ nhận chuyển nhượng thửa đất 78 từ năm 1991.

[4.3] Ranh đất giữa thửa 74 của nguyên đơn ông H với thửa đất 78 của bị đơn ông Đ là bức tường xây gạch lò (gạch lò chén). Theo trình bày của nguyên đơn ông H thì hàng rào gạch lò chén này do bà Lương Thị B vợ ông H đứng ra xây dựng vào năm 1996. Còn ông Đ cho rằng do ông Đ xây dựng vào năm 1991.

[5] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 11/01/2024 đã thẩm định thực tế về bức tường xây bằng gạch lò chén nêu trên như sau: phần tường xây từ cột mái hiên giáp ranh giữa đất nguyên đơn và bị đơn kéo dài ra đến mép đường được xây liền với trụ cổng của bị đơn bằng một phần gạch lò chén (chiều cao 08 cục gạch lò chén), phía trên phần gạch lò chén là 04 hàng gạch ống xây tách rời với trụ cổng của bị đơn *(bị đơn trình bày 04 hàng gạch ống do nguyên đơn xây chồng lên)*. Về phần ovan nhà của bị đơn đoạn giáp với không gian của nguyên đơn đã được tháo dỡ toàn bộ phần chỉ (phào).

[6] Với những tài liệu, chứng cứ và nhận định nêu trên có căn cứ xác định từ năm 1991, bị đơn ông Đ đã nhận chuyển nhượng thửa đất 78 và tiến hành xây dựng nhà ở, tường ranh thuộc quyền sử dụng đất của thửa 78. Năm 1996, nguyên đơn ông H nhận chuyển nhượng thửa đất 74, ranh giới với thửa đất 78 của bị đơn là hàng rào, tường nhà do bị đơn xây dựng. Do đó, không có căn cứ chứng minh bị đơn ông Đ lấn chiếm đất của nguyên đơn ông H.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không có chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn ông Trần Văn H là người cao tuổi nên đã được miễn.

[10] Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:156/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm: nguyên đơn ông Trần Văn H được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài